

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Trần Cảnh Toàn**.
- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông **Bùi Văn Liên** và bà **Nguyễn Thị Kim Anh**.
- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Mậu Tuấn** – Thư ký Tòa án.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 tham gia phiên tòa:* Bà **Trần Thị Hòa** - Kiểm sát Viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2025/TLST-HS ngày 25/11/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2025, đối với bị cáo:

- Họ và tên: Trương Văn H – sinh năm 2000, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: thôn 8 – xã P – tỉnh Đắk Lắk; Giới tính: Nam; Dân tộc: Thái; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Nhân viên giao hàng; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Trương Văn C - sinh năm 1973 và bà Hà Thị Ng – sinh năm 1975; Tiền án, tiền sự: Không; Không; Biện pháp ngăn chặn: Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/10/2025 đến nay. Hiện bị cáo đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Công ty TNHH MTV chuyển phát nhanh T, địa chỉ: 199 – Điện Biên Phủ - phường 2 – quận B – thành phố Hồ Chí Minh (nay là 199 – Điện Biên Phủ - phường G – thành phố Hồ Chí Minh).

+ Người đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Hy V – Chức vụ: Tổng giám đốc.

+ Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trí Th – Chức vụ: Trưởng bưu cục 262G01 K – Công ty TNHH MTV chuyển phát nhanh T – Chi nhánh Tây Nguyên, địa chỉ: 93 – H – xã K – tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Võ Thị Trà M, địa chỉ: thôn X – xã P – tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Bà Trương Thị L, địa chỉ: thôn T – xã P – tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Bà Phạm Thị H, địa chỉ: thôn 11 – xã P – tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Bà Trần Thị Th, địa chỉ: thôn 5 – xã P – tỉnh Đắk Lắk. Có đơn xét xử vắng mặt.

+ Ông Trần Lê T, địa chỉ: thôn 2 – xã P – tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Ông Chu Hải D, địa chỉ: thôn 10 – xã P – tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Ông Trần Văn D, địa chỉ: thôn 8 – xã P – tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Hồng Nh, địa chỉ: thôn 2 – xã P – tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Tr, địa chỉ: thôn 7 – xã P – tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- + Bà Hồ Thị L, địa chỉ: thôn 1 – xã P – tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.
- + Bà Phan Thị T, địa chỉ: thôn 3 – xã P – tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.
- + Bà Trần Thị Huyền Tr, địa chỉ: thôn 9 – xã P – tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.
- + Ông Nguyễn Ngọc D, địa chỉ: thôn 3 – xã P – tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.
- + Bà Trần Thị V, địa chỉ: thôn 9 – xã P – tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.
- + Bà Lê Thị Uyển Nh, thôn Xuân Vĩnh – xã P – tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trương Văn H là nhân viên giao hàng (được gọi là Shipper) của Công ty TNHH MTV chuyển phát nhanh T – Chi nhánh Tây Nguyên (Công ty T) theo hợp đồng lao động số 01509199-24/HĐLĐ ký ngày 03/12/2024. H được công ty T phân công làm việc tại bưu cục 262G01, địa chỉ 93 H, tổ dân phố 3, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã K, tỉnh Đắk Lắk), mã nhân viên là 01509199 nhận và giao hàng tại mã đoạn 003 thuộc xã Phú Xuân, tỉnh Đắk Lắk với nhiệm vụ được ghi rõ tại Điều 1 của Hợp đồng là *“Thay mặt công ty nhận các khoản cước, phí và chi phí phát sinh khác trong ngày từ khách hàng và bàn giao đầy đủ lại cho công ty vào cuối ca làm việc”*.

Sau khi ký kết hợp đồng, H làm việc vào buổi sáng hằng ngày để nhận hàng từ bưu cục 262G01, kiểm tra số hàng được giao và sử dụng máy quét mã vạch hoặc QR trên hàng hóa (thường gọi là Data) để cập nhật vào App giao hàng J&T có mã đăng nhập là mã nhân viên của mình để xác nhận hàng hóa trên hệ thống của công ty, sau đó vận chuyển đi giao cho khách theo địa bàn được phân công, nhận tiền thu hộ (tiền COD) và tiền phí vận chuyển từ khách hàng. Khi giao được hàng cho khách thành công thì tiến hành thao tác ký nhận tiền trên App và nộp tiền COD và tiền cước phí đã thu từ khách hàng về Bưu cục theo tài khoản của công ty T, nếu là tiền mặt thì H sẽ bàn giao lại cho nhân viên điều phối khách hàng của bưu cục. H thực hiện đầy đủ đúng theo quy trình đã ký kết trong hợp đồng lao động cho đến ngày 21/5/2025, Trương Văn H đến bưu cục nhận hàng trực tiếp từ chị Võ Thị Trà M, là nhân viên điều phối khách hàng (gọi là Admin) với số lượng 87 đơn hàng, tổng giá trị đơn hàng phải thanh toán là 21.287.119 đồng. Sau khi nhận hàng thì H sử dụng máy Data của bưu cục để quét mã có trên hàng hóa để xác nhận hàng hóa đã nhận là 87 đơn hàng trên App J&T. Cùng ngày H tiến hành giao hàng cho khách thành công 87 đơn hàng, thu về số tiền 21.287.119 đồng nhưng chỉ chuyển về bưu cục số tiền 700.000 đồng, đến ngày 22/5/2025 công ty T yêu cầu H chuyển tiếp số tiền còn lại thì H đã chuyển vào tài khoản của anh Nguyễn Trí Th là Trưởng bưu cục 262G01 số tiền 9.100.000 đồng tương ứng với giá trị 69/87 đơn hàng. Còn lại số tiền 11.487.119 đồng/18 đơn hàng thì Công ty đã nhiều lần yêu cầu H thanh toán nhưng Huỳnh không thanh toán mà tự ý nghỉ việc và chiếm đoạt số tiền này nên Công ty làm đơn tố cáo đề nghị xử lý H theo đúng quy định của pháp luật.

Cáo trạng số 05/CT-VKS ngày 24/11/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 đã truy tố bị cáo Trương Văn H về tội: "Tham ô tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 353 của Bộ luật hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình gây ra như Cáo trạng đã truy tố là đúng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 giữ nguyên quyết định như Cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất của vụ án, chứng minh hành vi phạm tội cũng như xem xét về nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 353 BLHS để tuyên bố bị cáo Trương Văn H phạm tội “Tham ô tài sản”, áp dụng điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS để xử phạt bị cáo Trương Văn H từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị trả lại cho Công ty T số tiền 11.487.119 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận việc bị cáo Trương Văn H đã khắc phục để nộp lại số tiền 11.487.119 đồng cho Công ty T.

Bị cáo, bị hại không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát. Bị cáo xin được xem xét để giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về hành vi, các quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, của các cơ quan tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo Trương Văn H tại phiên tòa phù hợp với lời khai mà bị cáo đã khai tại cơ quan điều tra; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án. Có đủ cơ sở kết luận: Trương Văn H là nhân viên giao hàng (shipper) của công ty TNHH MTV chuyển phát nhanh T – Chi nhánh Tây Nguyên theo hợp đồng lao động để làm việc từ ngày 03/12/2024. Ngày 21/5/2025, sau khi đã nhận hàng tại bưu cục 262G01 xã Krông Năng, lợi dụng quyền hạn của nhân viên giao hàng là thay mặt công ty nhận các khoản tiền từ khách hàng gồm tiền giá trị hàng và cước phí nhưng không nộp về công ty mà giữ lại để chiếm đoạt số tiền 11.487.119 đồng tương đương 18 đơn hàng của công ty TNHH MTV chuyển phát nhanh T để sử dụng vào mục đích cá nhân.

Hành vi của Trương Văn H đã phạm tội “Tham ô tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 353 của BLHS như Cáo trạng số 05/CT-VKS ngày 24/11/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 đã truy tố là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Khoản 1 Điều 353 của BLHS quy định:

1. Người nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản mà mình có trách nhiệm quản lý giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng..., thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

[4] Bị cáo là công dân đã trưởng thành, đủ khả năng nhận thức cũng như điều khiển hành vi. Lợi dụng vào việc được quyền thu tiền khi giao hàng cho khách nhưng bị cáo không hoàn trả về cho công ty mà chiếm đoạt số tiền 11.487.119 đồng/ 18 đơn hàng của

Công ty TNHH MTV chuyển phát nhanh T (Công ty T) để tiêu xài cá nhân. Hành vi của bị cáo không những đã xâm phạm vào hoạt động đúng đắn, uy tín của công ty mà còn xâm phạm vào quyền sở hữu hợp pháp về tài sản đã được pháp luật bảo vệ.

[5] Về nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy: Bị cáo đã khắc phục hậu quả là nộp lại số tiền 11.487.119 đồng cho Công ty T, thể hiện sự thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bên cạnh đó, đại diện bị hại cũng có đơn bãi nại và tại phiên tòa đã đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS, cần xem xét để giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng cũng như tính nhân đạo của pháp luật, nhà nước.

[6] Xét nhân thân của bị cáo cũng như tính chất và mức độ tội phạm thì thấy cần cách ly bị cáo một thời gian, nhằm giáo dục riêng cũng như răn đe phòng ngừa chung.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Công nhận việc bị cáo Trương Văn H đã nộp số tiền 11.487.119 đồng để khắc phục hậu quả.

[8] Về xử lý vật chứng: Hoàn trả cho Công ty T số tiền 11.487.119 đồng (theo Biên lai thu tiền số 0001138 ngày 12/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk).

[9] Về án phí: Bị cáo Trương Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Xét quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trương Văn H phạm tội “Tham ô tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 353; Điều 38; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Trương Văn H 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Công nhận việc bị cáo Trương Văn H đã nộp số tiền 11.487.119 đồng để khắc phục hậu quả.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 48 BLHS, Điều 106 Bộ luật tố tụng hành sự. Trả lại cho Công ty TNHH MTV chuyển phát nhanh T số tiền 11.487.119 đồng (theo Biên lai thu tiền số 0001138 ngày 12/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 BLTTHS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Trương Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo về những phần liên quan trong hạn luật định là 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo những phần liên quan trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Công an tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 10;
- Phòng THADS khu vực 10;
- Bị cáo, bị hại, người liên quan;
- Lưu HSVA, VPTA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

TRẦN CẢNH TOÀN